

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 2001. Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản Y, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau từ năm 2019, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 25/07/2019, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh K sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến đầu năm 2021 chị đã chuyển về về nhà bố mẹ đẻ ở bản N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La sinh sống đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Duy B, sinh ngày 02/9/2019. Hiện tại cháu đang ở cùng với anh K và ông bà nội. Nếu ly hôn, tôi muốn nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh K nuôi dưỡng do hiện chị đang đi làm xa, không có khả năng trực tiếp nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Văn K về địa chỉ bản N, xã H, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, anh K không có mặt tại Tòa án làm việc và không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc chị Hà Thị V xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Nguyễn Văn K đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị V và anh K. Đồng thời, đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị V và anh Nguyễn Văn K. Về con chung, giao con chung cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn K có địa chỉ tại: Bản N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị V xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua bố mẹ đẻ ở chung nhà nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn K và chị Hà Thị V.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019, anh chị đã được UBND xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/07/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị V, mâu thuẫn là do anh K sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến đầu năm 2021 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản N, xã H, huyện Mai Sơn sinh sống đến nay. Qua xác minh tại Ban quản lý bản N nơi vợ chồng chị V anh K chung sống xác định: Chị V anh K sau khi kết hôn chung sống với bố mẹ chồng tại bản nhưng không có căn cứ xác định anh K có sử dụng ma túy, vợ chồng không đánh chửi nhau cần sự can thiệp của ban quản lý bản. Tuy nhiên, chị V và anh K không chung sống với nhau khoảng 02 năm. Đại diện gia đình anh K khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn và chị V đã

chuyển về nhà ngoại sống được 02 năm. Việc chị V xin ly hôn anh K có biết nhưng bận đi làm nên không có mặt tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh K đã biết chị V xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị V cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị V, xử cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[2.2] *Về con chung*: Các tài liệu chị V cung cấp và xác định của gia đình anh K khẳng định trong thời gian hôn nhân, chị V và anh K có 01 con chung là Nguyễn Hà Duy B, sinh ngày 02/9/2019. Trong thời gian ly thân, cháu B sống cùng anh K và ông bà nội. Nội dung này được đại diện ban quản lý bản và đại diện gia đình anh K khẳng định. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V đề nghị Tòa án giao con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù anh K không có mặt tại Tòa án thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và chứng minh khả năng nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân cháu B đã ở cùng bố và ông bà nội, chị V giao lại quyền nuôi dưỡng con chung cho anh K. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Hà Duy B, sinh ngày 02/9/2019 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị V chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị V và anh Nguyễn Văn K.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Duy B, sinh ngày 02/9/2019 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K do anh K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị V được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị V được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002267 ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tánh